TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 1780 /LĐLĐ
V/v báo cáo hoạt động công đoàn năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 10 năm 2022

Kính gửi:
- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở;
- CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh;
- Đơn vị sự nghiệp, các Ban, Văn phòng LĐLĐ tỉnh.

Thực hiện Chương trình số 21/CTr-LĐLĐ ngày 19/101/2022 của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh về công tác trọng tâm năm 2022, Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) tỉnh đề nghị các cấp công đoàn, các ban, đơn vị sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng báo cáo kết quả hoạt động công đoàn năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, theo một số nội dung gợi ý như sau:

I. VỀ TÌNH HÌNH CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG

Khát quát tình hình việc làm, đời sống của người lao động; đánh giá những yếu tố tác động đến việc làm, thu nhập, đời sống của đoàn viên, người lao động; những vấn đề có tác động đến tổ chức và hoạt động công đoàn, các vấn đề mới phát sinh hoặc dự báo sẽ phát sinh trong thực tiễn cùng những tác động, ảnh hưởng, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra đối với tổ chức Công đoàn.

II. VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN NĂM 2022

Bên cạnh đánh giá kết quả thực hiện trên các mặt công tác, những hoạt động thường xuyên, định kỳ, đề nghị tập trung vào một số nội dung:

1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao năm 2022 theo Quyết định số 856/QĐ-LĐLĐ ngày 28/02/2022 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh.

2. Hoạt động chăm lo, hỗ trợ cho đoàn viên, CNLĐ; những mô hình tiêu biểu, hiệu quả. Hoạt động huy động các nguồn lực xã hội để chăm lo cho NLĐ.

3. Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách của Nhà nước đối với NLĐ; việc phối hợp với các cơ quan chức năng tham gia kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật lao động, công đoàn; tham gia hướng dẫn NLĐ nhận hỗ trợ thuê nhà theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg; việc thực hiện Nghị định số 38/2022/NĐ-CP của Chính phủ; tình hình triển khai chính sách hỗ trợ con CNLĐ theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Việc thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động thể tại doanh nghiệp.

5. Tuyên truyền các nghị quyết của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến NLĐ; vận động, tuyên truyền tiêm nhắc lại vắc xin, các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; phòng ngừa, ngăn chặn "tín dụng đen" trong CNLĐ.

6. Hoạt động trong Tháng Công nhân 2022 với chủ đề "Công nhân Việt Nam: Tiên phong, sáng tạo, trách nhiệm, an toàn, thích ứng".

7. Các phong trào thi đua trong đoàn viên, người lao động; kết quả, tác động Chương trình 01 triệu sáng kiến- nỗ lực vượt khó, quyết tâm sáng tạo chiến thắng đại dịch Covid-19 trong đoàn viên, người lao động.

8. Công tác chỉ đạo và kết quả công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

9. Đánh giá 01 năm thực hiện Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 03/11/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về *"Đổi mới tổ chức và hoạt động Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới"*.

10. Công tác triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 17/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về lãnh đạo đại hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội Công đoàn tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2023-2028 và Kế hoạch số 199/KH-LĐLĐ ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh.

11. Những việc làm hiệu quả; những thay đổi trong hoạt động công đoàn nhất là công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện để thích ứng, phù hợp với bối cảnh tình hình dịch bệnh, những kinh nghiệm rút ra.

Đề nghị các ngành, địa phương, đơn vị tập trung đánh giá những cách làm, mô hình mới, sáng tạo mang lại hiệu quả thiết thực, cụ thể tại cấp mình (có các số liệu chứng minh cụ thể); nêu rõ những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

III. VỀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

Căn cứ chương trình công tác toàn khóa và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, ngành, đơn vị mình, đề nghị các cấp công đoàn, các Ban, đơn vị dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 phù hợp với thực tiễn.

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Đề xuất, kiến nghị những vấn đề cần quan tâm trước những diễn biến mới trong thực tiễn, những vướng mắc, bất cập trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện (kèm theo nội dung giải thích cụ thể).

V. BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

Tổng hợp theo biểu mẫu gửi kèm (số liệu tính đến hết 31/10/2022)

Yêu cầu báo cáo ngắn gọn, đầy đủ thông tin, số liệu theo các nội dung gợi ý. Báo cáo gửi về LĐLĐ tỉnh chậm nhất **ngày 02/11/2022 (**đồng thời gửi bản "Word" vào địa chỉ email **congdoantinhquangngai@gmail.com).**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ với Văn phòng LĐLĐ tỉnh để trao đổi./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Tổng Liên đoàn (b/c);
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Lưu: VT, VP.

TM.BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Phúc Nhân

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

ĐƠN VỊ....

BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN ĐẾN..../20...

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I.	**Tình hình CNVCLĐ và việc thực hiện một số chính sách quan trọng đối với người lao động**			
1	Số DN nợ lương người lao động Số tiền lương DN nợ người lao động	DN triệu đồng		
2	Số DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN Số tiền DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	DN triệu đồng		
3	Số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra. Trong đó:	vụ		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	vụ		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	vụ		
4	Số vụ tai nạn lao động. Trong đó:	vụ		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	vụ		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	vụ		
	Số người bị tai nạn lao động. Trong đó:	người		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	người		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	người		
	Số vụ tai nạn lao động chết người. Trong đó:	vụ		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	vụ		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	vụ		
	Số người chết vì tai nạn lao động. Trong đó:	người		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	người		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	người		
5	Số người mắc bệnh nghề nghiệp. Trong đó:	người		
	+ Số người mắc mới trong kỳ báo cáo	người		
6	Số DN có thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên Số an toàn vệ sinh viên	DN người		
II	**Đại diện chăm lo,bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động**			
7	Số DN có thỏa ước lao động tập thể. Trong đó:	DN		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	DN		
	+ DN ngoài nhà nước	DN		
	+ DN có vốn đầu tư nước ngoài	DN		
8	Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tổ chức hội nghị CB,CC,VC Số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đã tổ chức hội nghị CB,CC,VC	đơn vị đơn vị		
9	Số DN nhà nước đã tổ chức hội nghị NLĐ Số DN ngoài khu vực NN đã tổ chức hội nghị NLĐ	DN DN		
10	Số DN nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc. Trong đó: *+ Đối thoại định kỳ* *+ Đối thoại đột xuất* Số DN ngoài khu vực nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc. *+ Đối thoại định kỳ* *+ Đối thoại đột xuất*	DN cuộc cuộc DN cuộc cuộc		
11	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở. Trong đó:	đơn vị		
	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	đơn vị		

	+ Doanh nghiệp nhà nước	DN		
	+ Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước	DN		
12	Số người được tư vấn pháp luật	lượt người		
13	Số người được bảo vệ tại tòa án	người		
14	Giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị			
	+ Số cuộc CĐ chủ trì giám sát	cuộc		
	+ Số cuộc CĐ tham gia giám sát	cuộc		
	+ Số cuộc hội nghị phản biện	cuộc		
15	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	người		
	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	triệu đồng		
	Số đoàn viên, người lao động được thụ hưởng chương trình "Phúc lợi cho đoàn viên và người lao động"	lượt người		
	Số tiền hưởng lợi	triệu đồng		
16	Quỹ xã hội công đoàn (do đoàn viên, NLĐ và các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ)			
	+ Số tiền vận động được trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà "Mái ấm CĐ"	nhà		
	+ Số tiền hỗ trợ xây mới, sửa chữa "Mái ấm CĐ"	triệu đồng		
17	Quỹ trợ vốn (chương trình, dự án tài chính vi mô)			
	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Số người được cho vay	người		
18	Quỹ quốc gia về việc làm			
	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Số người được cho vay	người		
III	**Công tác thi đua**			
19	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến		
	Giá trị làm lợi	triệu đồng		
	Tiền thưởng sáng kiến	triệu đồng		
20	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP		
	Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	triệu đồng		
21	Số người đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"	người		
IV	**Công tác tuyên truyền, giáo dục**			
22	Số đoàn viên, người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, NQ của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các nghị quyết của Công đoàn	người		
23	Số đoàn viên, người lao động được tham gia hoạt động văn hoá, thể thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức	người		
24	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	người		
V	**Công tác nữ công**			
25	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thành lập ban nữ công quần chúng	đơn vị		
26	Số CĐCS khu vực HCSN, DNNN có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó:	CĐCS		
	+ Số BNC quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
	+ Số BNC quần chúng thành lập mới trong kỳ báo cáo	BNC		
27	Số CĐCS ngoài khu vực nhà nước có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó:	CĐCS		
	+ Số BNC quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
	+ Số BNC quần chúng thành lập mới trong kỳ báo cáo	BNC		

28	Tổng số ủy viên ban nữ công quần chúng. Trong đó:	người		
	+ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	người		
	+ Công đoàn cơ sở khu vực HCSN và DNNN	người		
	+ CĐCS ngoài khu vực nhà nước	người		
29	Số người được khen thưởng phong trào thi đua "Giỏi việc nước, đảm việc nhà", Trong đó:	người		
	+ Khu vực HCSN và DNNN	người		
	+ Ngoài khu vực nhà nước	người		
VI	**Công tác kiểm tra**			
30	Số CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở đã tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính cùng cấp trong kỳ báo cáo	đơn vị		
VII	**Công tác tổ chức**			
31	Tổng số CNVCLĐ	người		
32	Tổng số đoàn viên công đoàn. Trong đó:	người		
	+ Tổng số đoàn viên kết nạp mới	người		
	+ Tổng số đoàn viên giảm	người		
	+ Tổng số đoàn viên tăng (so với giảm thực tế)	người		
33	Tổng số công đoàn cơ sở. Trong đó:	CĐCS		
	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp	CĐCS		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	CĐCS		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	CĐCS		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	CĐCS		
	+ Số nghiệp đoàn	CĐCS		
34	Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	đơn vị		
35	Số DN có 25 công nhân lao động trở lên. Trong đó:	DN		
	Số doanh nghiệp đã thành lập công đoàn cơ sở	DN		
36	Số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	lượt người		
	Số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	lượt người		
37	Số đoàn viên công đoàn được CĐCS giới thiệu cho tổ chức Đảng xem xét, kết nạp	người		
	Số đoàn viên công đoàn được kết nạp vào Đảng	người		
38	Số CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	đơn vị		
39	Số CĐ cơ sở khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	CĐCS		
	Số CĐ cơ sở ngoài khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	CĐCS		